|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Phong trào cách mạng**  **1930 - 1931** | **Cuộc vận động dân chủ**  **1936 - 1939** | **Cuộc vận động giải phóng**  **dân tộc 1939 - 1945** |
| **Nhiệm vụ chiến lược** | Chống đế quốc, tay sai giành độc lập dân tộc. | | |
| **Nhiệm vụ trước mắt** | - Chống đế quốc giành độc lập.  - Chống phong kiến giành ruộng đất cho dân cày | - Chống phản động thuộc địa, phát xít, nguy cơ chiến tranh.  - Đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình. | Chống đế quốc, phát xít giành độc lập dân tộc. |
| **Lãnh đạo** | Đảng Cộng sản | | |
| **Lực lượng tham gia** | Công nhân, nông dân | Công nhân, nông dân, các lực lượng hòa bình, dân chủ | Toàn dân tộc |
| **Hình thức mặt trận** |  | - Mặt trận **nhân dân** phản đế Đông Dương  - Mặt trận dân chủ Đông Dương | - Mặt trận thống nhất **dân tộc** phản đế Đông Dương  - Mặt trận Việt Minh |
| **Kết quả** | Bị Pháp đàn áp. | Bị Pháp đàn áp. | Giành thắng lợi, nước VNDCCH được thành lập. |
| **Ý nghĩa** | + Hình thành liên minh công – nông.  + Là cuộc **tập dượt đầu tiên** chuẩn bị cho CMT8.  … | Là cuộc **tập dượt lần 2** chuẩn bị cho CMT8.  … | **Hoàn thành việc chuẩn bị** về đường lối, lực lượng cho CMT8.  … |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Kế hoạch đánh nhanh**  **thắng nhanh** | **Kế hoạch Rơve** | **Kế hoạch Nava** |
| **Mục tiêu** | Tiêu diệt cơ quan đầu nào, bộ đội chủ lực Việt Nam để nhanh chóng kết thúc chiến tranh | | Trong 18 tháng giành lấy thắng lợi quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự |
| **Biện pháp** | - Tổ chức bao vây, tấn công các đô thị Bắc vĩ tuyến 16 cuối năm 1946.  - Mở cuộc tấn công lên Việt Bắc cuối năm 1947. | - Tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4.  - Thiết lập hành lang Đông – Tây.  - Chuẩn bị tiến công lên Việt Bắc. | **- Ban đầu dự tính:**  **+ B1: Trong thu – đông 1953, xuân 1954,** giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, thực hiện **tiến công, bình định ở Trung Bộ và Nam Đông Dương.**  + **B2: Từ thu – đông 1954,** chuyển lực lượng ra **Bắc Bộ**, thực hiện tiến công chiến lược để giành thắng lợi quyết định, kết thúc chiến tranh. |
| **Kết quả** | - **Bước đầu** bị phá sản sau thất bại trong cuộc chiến đấu ở các đô thị **Bắc vĩ tuyến 16.**  - Bị phá sản **hoàn toàn** sau thất bại ở chiến dịch **Việt Bắc thu – đông 1947.** | Bị phá sản boàn toàn sau thất bại ở **chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.** | - **Bước đầu** bị phá sản sau thất bại trong các cuộc tiến công chiến lược **Đông – Xuân 1953 – 1954.**  - Bị phá sản **hoàn toàn** sau thất bại ở chiến dịch **Điện Biên Phủ 1954.** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | **Chiến dịch Việt Bắc**  **thu – đông 1947** | **Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950** | **Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954** |
| **Giống nhau** | | **- Mục tiêu:**  + Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.  + Làm phá sản các kế hoạch chiến tranh của thực dân Pháp.  **- Đối tượng tác chiến:** quân Pháp.  **- Địa bàn tác chiến:** rừng núi.  **- Kết quả:** thắng lợi.  … | | |
| **Khác nhau** | **Loại hình chiến dịch** | Chiến dịch phản công | Chiến dịch chủ động tấn công | Chiến dịch chủ động tấn công |
| **Nghệ thuật quân sự** | Chiến tranh du kích | Đánh điểm, diệt viện, truy kích | Đánh công kiên, bao vây, đánh lấn, hợp đồng binh chủng. |
| **Ý nghĩa** | - Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.  → Buộc Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài với Việt Nam. | - Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Rơve.  - Việt Nam giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ. | - Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava.  - Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.  - Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh.  - Tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh ngoại giao ở hội nghị Giơnevơ giành thắng lợi. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | **Chiến tranh phá hoại lần thứ nhất**  **(1965 – 1968)** | **Chiến tranh phá hoại lần thứ hai**  **(1972)** |
| **Giống nhau** | | **Âm mưu:**  + Uy hiếp tinh thần, ý chí chống Mĩ của nhân dân miền Bắc.  + Phá công cuộc xây dựng CNXH của miền Bắc.  + Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam.  **Thủ đoạn:** cho máy bay, tàu chiến đánh phá các mục tiêu quân sự, đầu mối giao thông, nhà máy, khu đông dân cư…  **Kết quả:** thất bại.  … | |
| **Khác nhau** | **Âm mưu** | Cứu nguy cho chiến lược chiến tranh đặc biệt và sau đó là chiến tranh cục bộ. | - Cứu nguy cho chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.  - Gây sức ép với Việt Nam trên bàn đàm phán. |
| **Ý nghĩa** | Chiến thắng của nhân dân miền Bắc góp phần buộc Mĩ phải ngồi vào bàn đàm phán ở Pari.  … | Chiến thắng của nhân dân miền Bắc đỉnh cao là trận Điện Biên Phủ trên không buộc Mĩ phải trở lại bàn đàm phán, kí hiệp định Pari.  … |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | **Chiến tranh đặc biệt (1961 – 1965)** | **Chiến tranh cục bộ**  **(1965 – 1968)** | **Việt Nam hóa chiến tranh, Đông Dương hóa chiến tranh (1969 – 1973)** |
| **Giống nhau** | | **- Bản chất:** loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới.  **- Mục tiêu chiến lược:** chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ…  **- Thủ đoạn:**  + Viện trợ kinh tế, quân sự cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa.  + Thực hiện bình định, chiếm đất, giành dân.  + Sử dụng quân đội Sài Gòn dưới sự chỉ huy của cố vấn Mĩ.  …  **- Kết quả:** bị phá sản | | |
| **Khác nhau** | **Âm mưu** | Dùng người Việt đánh người Việt | Giành lại thế chủ động, đẩy lực lượng cách mạng về thế bị động, làm cho chiến tranh tàn lụi. | Dùng người Việt đánh người Việt |
| **Lực lượng** | Quân đội Sài Gòn là nòng cốt | - Quân Mĩ, đồng minh Mĩ, Sài Gòn.  - Nòng cốt là quân Mĩ. | Quân đội Sài Gòn là nòng cốt |
| **Thủ đoạn** | Trực thăng vận, thiết xa vận…  Ấp chiến lược là xương sống của kế hoạch  … | Mở các cuộc hành quân tìm diệt, bình định.  Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.  … | Rút quân Mĩ, đồng minh về nước, tăng nhanh quân đội Sài Gòn.  Sử dụng quân đội Sài Gòn trong các cuộc chiến ở Lào, Campuchia → dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.  Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.  … |
|  | **Quy mô** | Miền Nam | Việt Nam | Đông Dương |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Nghị quyết 15 (1959)** | **Nghị quyết 21 (1973)** |
| **Bối cảnh** | Mĩ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa sử dụng bạo lực đàn áp lực lượng cách mạng miền Nam. | Mĩ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa phá hoại hiệp định Pari. |
| **Nội dung** | - Để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng.  - Giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị (chủ yếu) và vũ trang. | - Kẻ thù: Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.  - Nhiệm vụ: tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.  - Phương pháp: tiếp tục con đường bạo lực… |
| **Tác động** | Dẫn tới sự bùng nổ của phong trào Đồng khởi năm 1960 | Nhân dân miền Nam kiên quyết đấu tranh chống bình định, lấn chiếm, làm nên chiến thắng Phước Long cuối năm 1974 – đầu năm 1975.  → Tạo điều kiện để Bộ chính trị đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Đại hội Đảng lần II** | **Đại hội Đảng lần III** | **Đại hội Đảng lần VI** |
| **Thời gian** | 1951 | 1960 | 1986 |
| **Bối cảnh** | Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam có bước phát triển mới từ sau chiến thắng Biên giới thu – đông 1950.  → Cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. | Cách mạng 2 miền có bước phát triển mới:  - Miền Bắc: hoàn thành cải cách ruộng đất, cải tạo quan hệ sản xuất.  - Miền Nam: phong trào Đồng khởi.  → Cần đưa ra đường lối CM phù hợp cho 2 miền. | - Tình hình thế giới biến động.  - Việt Nam đang lâm vào tình trạng khủng hoảng do sai lầm trong quá trình xây dựng đất nước.  → Cần phải đổi mới. |
| **Nội dung** | - Thông qua Báo cáo chính trị - Hồ Chí Minh và báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam – Trường Chinh.  - Tách Đảng, ở Việt Nam đưa Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng lao động Việt Nam.  - Bầu BCH… | - Xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước, nhiệm vụ cách mạng từng miền; vai trò vị trí của cách mạng mỗi miền…  - Bầu BCH… | - Đưa ra quan điểm đổi mới và đường lối cụ thể…  + Không thay đổi mục tiêu CNXH…  + Đổi mới toàn diện, đồng bộ…  + Trọng tâm đổi mới là kinh tế…  - Bầu BCH… |